VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 204/2014/TT-BTC).

- Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 11/2019/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư trên.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.[2]

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá và giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với: Người có nhu cầu dự thi để được cấp Thẻ thẩm định viên về giá, người có Thẻ thẩm định viên về giá, Thẩm định viên về giá hành nghề; cán bộ, công chức làm công tác thẩm định giá trong các cơ quan nhà nước; đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá (sau đây gọi tắt là đào tạo, bồi dưỡng).

Điều 3. Mục đích đào tạo, bồi dưỡng

1. Trang bị, hệ thống hóa và cập nhật những kiến thức về giá, thẩm định giá và pháp luật có liên quan đến hoạt động thẩm định giá nhằm nâng cao năng lực thẩm

---

[2] Thông tư số 11/2019/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá".

định giá cho người có nhu cầu dự thi để được cấp Thẻ thẩm định viên về giá, cho cán bộ, công chức làm công tác thẩm định giá trong các cơ quan nhà nước, cho đội ngũ thẩm định viên về giá hành nghề; đồng thời, nâng cao hiểu biết kiến thức về thẩm định giá cho các đối tượng có nhu cầu.

2. Tiêu chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá đối với những người làm công tác thẩm định giá.

Điều 4. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Chương trình, nội dung, thời gian đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá phải phù hợp với các đối tượng tham dự khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này.

2. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá phải đảm bảo thường xuyên cập nhật, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của người tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Yêu cầu đối với đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

Đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng khi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1. Có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Có đủ cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm phòng học, bàn ghế, bảng viết, giáo cụ và các trang thiết bị cần thiết khác (tự có hoặc có hợp đồng thuê).

3. Có kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng

Giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đối với đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá:

a) Có trình độ đại học, sau đại học chuyên ngành phù hợp với chuyên đề giảng dạy;

b) Có thời gian công tác từ 5 (năm) năm trở lên trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành thẩm định giá tại các Học viện, Trường Đại học hoặc làm công tác thực tiễn quản lý nhà nước đối với các chuyên ngành phù hợp với các chuyên đề của khóa học quy định tại Thông tư này.

2. Đối với bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá:

a) Giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thẩm định viên về giá tham gia giảng dạy có tối thiểu 7 (bảy) năm kinh nghiệm hành nghề thẩm định giá.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

1. Quyền của đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

a) Chiêu sinh và chủ động triển khai thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo đúng các đối tượng quy định tại Điều 10, Điều 16 và Điều 22 Thông tư này;

b) Được thu tiền dịch vụ từ những học viên tham dự khóa học. Mức thu tiền dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng do Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng quyết định. Việc thu, quản lý và sử dụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

c) Cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá, Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá theo quy định tại Điều 15, Điều 21 và Điều 26 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

a) Chấp hành các quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; kiểm tra đánh giá kết quả học tập và cấp các Chứng chỉ, Giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư này;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, hợp pháp của các Chứng chỉ, Giấy chứng nhận do đơn vị mình cấp;

d) Không được cấp các Chứng chỉ, Giấy chứng nhận cho những người không có tên trong danh sách học, những người có tham gia học nhưng không đạt yêu cầu khóa học theo quy định tại Thông tư này;

đ) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 9 Thông tư này;

e) Cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các thông tin, tài liệu, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng;

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Tài chính trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Trình tự tổ chức đào tạo, bồi dưỡng [3]

1. Chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày mở khóa học/lớp học (tính theo dấu công văn đến), đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phải gửi cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) văn bản thông báo mở khóa học/lớp học kèm theo các tài liệu và thông tin sau:

a) Quyết định mở khóa học/lớp học của Thủ trưởng đơn vị;

b) Danh sách giảng viên theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Danh sách Ban quản lý khóa học/lớp học;

d) Nội dung, chương trình, tài liệu và lịch học của khóa học/lớp học;

Riêng đối với bồi dưỡng kiến thức chuyên môn (cập nhật kiến thức) về thẩm định giá thì chậm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày mở khóa học/lớp học đầu tiên của năm, đơn vị tổ chức bồi dưỡng phải gửi cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tài liệu cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư này.

2. Kết thúc mỗi khóa học/lớp học, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học viên vào Phiếu đánh giá chất lượng khóa học (bao gồm cả lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá) theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa học/lớp học (tính theo dấu bưu điện hoặc theo dấu công văn đến của Bộ Tài chính), đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phải gửi cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, kèm theo các tài liệu sau:

a) Quyết định công nhận kết quả đạt yêu cầu khóa học/lớp học;

b) Danh sách học viên đạt yêu cầu khóa học/lớp học và được cấp Chứng chỉ, Giấy chứng nhận theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

4. Định kỳ hàng năm, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng gửi báo cáo tình hình hoạt động trong năm và phương hướng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của năm tiếp theo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) theo Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm liền kề sau năm báo cáo.

Điều 9. Lưu trữ hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng

1. Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng lưu trữ bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại Điều 8 và Điều 12 Thông tư này;

b) Hợp đồng giảng dạy và thanh lý Hợp đồng (nếu có);

c)[4] ***(được bãi bỏ)***

d) Đơn xin học của học viên hoặc Quyết định của đơn vị cử đi học (nếu có);

đ) Các bài kiểm tra của học viên;

e)[5] ***(được bãi bỏ)***

g)[6] ***(được bãi bỏ)***

h) Phiếu đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng;

i) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Thời gian lưu trữ tối thiểu là 10 (mười) năm.

Chương II
ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 10. Đối tượng đào tạo

1. Người có nhu cầu dự thi để được cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

2. Các đối tượng khác có nhu cầu.

---

[4] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4, Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[5] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4, Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[6] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4, Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

Điều 11. Đơn vị tổ chức đào tạo

Các đơn vị sau đây đáp ứng đủ các yêu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này thì được tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá:

1. Các Học viện, Trường Đại học có chuyên ngành đào tạo về thẩm định giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính.

3. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá.

Điều 12. Đăng ký đào tạo

1. Đơn vị tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá quy định tại Điều 11 Thông tư này chỉ được phép tổ chức đào tạo, cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá sau khi đã thực hiện đăng ký với Bộ Tài chính và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc đào tạo của mình.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đăng ký đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các Học viện, Trường Đại học: Bản sao chứng thực quyết định thành lập đơn vị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Tài liệu chứng minh các chuyên ngành được đào tạo, trong đó có chuyên ngành thẩm định giá.

Đối với các đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính: Bản sao chứng thực quyết định thành lập đơn vị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, trong đó có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về thẩm định giá.

Đối với Hội thẩm định giá Việt Nam: Bản sao chứng thực Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Kế hoạch, chương trình đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá được Thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt;

d) Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và dự kiến địa điểm tổ chức đào tạo;

đ) Mẫu Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thủ trưởng đơn vị tổ chức đào tạo chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký đào tạo.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ 1 (một) bộ hồ sơ đăng ký theo quy định, Bộ Tài chính xem xét, có văn bản chấp thuận cho đơn vị được tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 13. Hình thức tổ chức, nội dung và chương trình đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

1. Khóa đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá được tổ chức tập trung một kỳ liên tục hoặc nhiều kỳ nhưng không kéo dài quá 3 (ba) tháng cho một khóa học và phải đảm bảo dạy và học đủ thời lượng, nội dung và chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2.[7] *Thời lượng tối thiểu cho một khóa đào tạo được quy định là 156 giờ, chưa bao gồm thời gian ôn tập và kiểm tra đánh giá kết quả học tập quy định tại Điều 14 Thông tư này. Một giờ được tính là 55 phút học và 5 phút nghỉ giải lao.*

	Tên chuyên đề	***Số giờ học tối thiểu***
A.	***PHẦN KIẾN THỨC CHUNG***	
- Chuyên đề 1	*Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá*	*24*
- Chuyên đề 2	*Nguyên lý hình thành giá cả thị trường*	*20*
- Chuyên đề 3	*Nguyên lý căn bản về thẩm định giá*	*20*
B.	***PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ***	
- Chuyên đề 4	*Thẩm định giá bất động sản*	*24*
- Chuyên đề 5	*Thẩm định giá máy, thiết bị*	*24*
- Chuyên đề 6	*Thẩm định giá doanh nghiệp*	*24*
- Chuyên đề 7	*Thẩm định giá tài sản vô hình*	*20*
	TỔNG CỘNG PHẦN A VÀ B	***156***

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

3. Một lớp học của khóa đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tối đa không quá 70 học viên.

4. Đơn vị tổ chức đào tạo sử dụng Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính phát hành thống nhất trong cả nước theo quy định tại Điều 28 Thông tư này; đồng thời, có trách nhiệm cập nhật những nội dung, quy định mới của nhà nước liên quan đến lĩnh vực giá và thẩm định giá trong quá trình giảng dạy.

Điều 14. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

1. Kết thúc khóa đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, đơn vị tổ chức đào tạo phải tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Việc kiểm tra được thực hiện bằng 2 (hai) bài viết; trong đó, bài kiểm tra cho phần kiến thức chung là 120 phút, cho phần kiến thức nghiệp vụ là 150 phút. Nội dung các bài kiểm tra phải thể hiện được những kiến thức cơ bản của các chuyên đề trong chương trình học.

2. Điểm các bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10 (mười). Bài kiểm tra dưới 5 (năm) điểm là bài kiểm tra không đạt yêu cầu.

3. Học viên tham dự khóa học không đảm bảo tối thiểu 80% thời gian học tại khóa theo quy định cho mỗi học phần thì không được tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho học phần đó và phải học lại học phần còn thiếu.

4. Trường hợp vì lý do thai sản, tai nạn, ốm đau có giấy chứng nhận của bệnh viện (sau đây gọi tắt là lý do đặc biệt), học viên không tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thì học viên phải có đơn đề nghị hoãn kiểm tra và phải được Thủ trưởng đơn vị tổ chức khóa học chấp thuận.

5. Học viên có bài kiểm tra không đạt yêu cầu và học viên chưa dự kiểm tra vì lý do đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều này có quyền dự kiểm tra lại một lần. Thời gian tổ chức kiểm tra lại cho những học viên trên do Thủ trưởng đơn vị tổ chức đào tạo quyết định nhưng không quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo.

Điều 15. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

1. Học viên có kết quả các bài kiểm tra từ 5 (năm) điểm trở lên là học viên đạt yêu cầu khóa học và được cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá.

2. Thủ trưởng đơn vị tổ chức đào tạo (hoặc cấp phó được Thủ trưởng đơn vị tổ chức đào tạo ủy quyền) ký, cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá.

Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này và phải được đóng dấu giáp lai ảnh của học viên.

3. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá là một trong những điều kiện để đăng ký dự thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

4. Các trường hợp cấp lại Chứng chỉ vì bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai, địch họa hoặc lý do bất khả kháng khác sẽ do đơn vị tổ chức đào tạo xem xét, quyết định nhưng phải ghi rõ Chứng chỉ cấp lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cấp lại này.

Chương III
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 16. Đối tượng bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức làm công tác thẩm định giá trong các cơ quan nhà nước.

2. Cán bộ, công chức khác có nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.

Điều 17. Đơn vị tổ chức bồi dưỡng

Các đơn vị sau đây đáp ứng đủ các yêu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này thì được tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá:

1. Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính thuộc Bộ Tài chính.

2. Trung tâm Dữ liệu quốc gia và Dịch vụ về giá trực thuộc Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính).

Điều 18. Hình thức tổ chức, nội dung và chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

1. Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được tổ chức tập trung một kỳ liên tục nhưng không kéo dài quá 2 (hai) tuần cho một khóa học và phải đảm bảo dạy và học đủ thời lượng, nội dung và chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2.[8] *Thời lượng tối thiểu cho một khóa bồi dưỡng được quy định là 40 giờ, chưa bao gồm thời gian ôn tập và kiểm tra đánh giá kết quả học tập quy định tại Điều 20 Thông tư này. Một giờ được tính là 55 phút học và 5 phút nghỉ giải lao.*

	Tên chuyên đề	***Số giờ học tối thiểu***
A.	***PHẦN KIẾN THỨC CHUNG***	
- Chuyên đề 1	*Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá, hoạt động thẩm định giá nhà nước*	*6*
- Chuyên đề 2	*Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và Nguyên lý căn bản về thẩm định giá*	*6*
B.	***PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ***	
- Chuyên đề 3	*Thẩm định giá bất động sản*	*8*
- Chuyên đề 4	*Thẩm định giá máy, thiết bị*	*8*
- Chuyên đề 5	*Thẩm định giá doanh nghiệp*	*8*
- Chuyên đề 6	*Thẩm định giá tài sản vô hình*	*4*
	TỔNG CỘNG PHẦN A VÀ B	***40***

3.[9] *Một lớp học của khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá tối đa không quá 150 học viên.*

Điều 19. Tổ chức biên soạn, thẩm định Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

1. Đơn vị tổ chức khóa bồi dưỡng thực hiện biên soạn Tài liệu bồi dưỡng trên cơ sở Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính phát hành thống nhất trong cả nước; đồng thời phải bao gồm các nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá, thẩm định giá và thực hiện thẩm định giá nhà nước.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

2.[10] *Tài liệu phải được gửi cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) kèm theo thông báo mở lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá đầu tiên trong năm dương lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này để Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh nội dung (nếu cần thiết).*

3.[11] ***(được thay thế)***

Điều 20. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

1. Kết thúc khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá, đơn vị tổ chức bồi dưỡng phải tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Việc kiểm tra được thực hiện bằng 1 (một) bài viết trong thời gian 150 phút. Nội dung bài kiểm tra phải thể hiện được những kiến thức cơ bản của các chuyên đề trong chương trình học.

2. Điểm bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10 (mười). Bài kiểm tra dưới 5 (năm) điểm là bài kiểm tra không đạt yêu cầu.

3. Học viên tham dự khóa học không đảm bảo tối thiểu 80% thời gian học tại khóa theo quy định cho mỗi học phần thì không được tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập và phải học lại học phần còn thiếu.

4. Trường hợp vì lý do đặc biệt, học viên không tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thì học viên phải có đơn đề nghị hoãn kiểm tra và phải được Thủ trưởng đơn vị tổ chức khóa học chấp thuận.

5. Học viên có bài kiểm tra không đạt yêu cầu và học viên chưa dự kiểm tra vì lý do đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều này có quyền dự kiểm tra lại một lần. Thời gian tổ chức kiểm tra lại cho những học viên trên do Thủ trưởng đơn vị tổ chức bồi dưỡng quyết định nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc khóa bồi dưỡng.

Điều 21. Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

1. Học viên có kết quả bài kiểm tra từ 5 (năm) điểm trở lên là học viên đạt yêu cầu khóa học và được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.

---

[10] Khoản này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[11] Khoản này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

2. Thủ trưởng đơn vị tổ chức bồi dưỡng (hoặc cấp phó được Thủ trưởng đơn vị tổ chức bồi dưỡng ủy quyền) ký, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.

Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này và phải đóng dấu giáp lai ảnh của học viên.

3. Các trường hợp cấp lại Chứng chỉ vì bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai, địch họa hoặc lý do bất khả kháng khác do đơn vị tổ chức bồi dưỡng xem xét, quyết định nhưng phải ghi rõ Chứng chỉ cấp lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cấp lại này.

4. Cán bộ, công chức có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; cán bộ, công chức có Thẻ thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp và cán bộ, công chức đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá được tham gia Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá.

Chương IV
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 22. Đối tượng bồi dưỡng kiến thức [12]

Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá (sau đây gọi là cập nhật kiến thức về thẩm định giá) cho các đối tượng sau:

1. Thẩm định viên về giá hành nghề;

2. Người có Thẻ thẩm định viên về giá nhưng không đăng ký hành nghề trong thời gian 12 tháng tính từ ngày được cấp Thẻ thẩm định viên về giá;

3. Thẩm định viên về giá đã chấm dứt đăng ký hành nghề quá 12 tháng tính đến ngày đăng ký hành nghề tiếp theo;

4. Các đối tượng khác có nhu cầu.

---

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 04 năm 2019.

Điều 23. Đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức

Các đơn vị sau đây đáp ứng đủ các yêu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này thì được tổ chức cập nhật kiến thức về thẩm định giá:

1. Trung tâm Dữ liệu quốc gia và Dịch vụ về giá trực thuộc Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính).

2. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá.

Điều 24. Hình thức, nội dung, tài liệu và thời gian cập nhật kiến thức về thẩm định giá

1. Hình thức cập nhật kiến thức

a) Tham dự lớp cập nhật kiến thức;

b) Tham gia giảng dạy các lớp cập nhật kiến thức cho thẩm định viên về giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Tham dự Hội nghị chính thức Hiệp hội các thẩm định viên về giá ASEAN (AVA) mà trong Hội nghị có nội dung Hội thảo chuyên đề về thẩm định giá.

2. Nội dung cập nhật kiến thức

a) Các quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động thẩm định giá của Việt Nam và quốc tế được cập nhật trong năm cập nhật;

b) Kỹ năng quản lý, kinh nghiệm thẩm định giá, các trường hợp, ví dụ về thẩm định giá; Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và đạo đức nghề nghiệp;

c) Các kiến thức và thông tin khác liên quan đến thẩm định giá.

3. Tài liệu cập nhật kiến thức

a) Tài liệu cập nhật kiến thức phải chứa đựng các nội dung cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này và được trình bày dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử;

b) Tài liệu cập nhật kiến thức được biên soạn cho từng lớp cập nhật và do đơn vị tổ chức lớp cập nhật thực hiện. Tài liệu phải được gửi cho Bộ Tài chính kèm theo thông báo mở lớp cập nhật đầu tiên trong năm cập nhật theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh nội dung (nếu cần thiết).

4.[13] *Thời gian cập nhật kiến thức tối thiểu hàng năm của một thẩm định viên là 20 giờ/năm. Thời gian cập nhật kiến thức của năm trước liền kề là điều kiện để xem xét đăng ký hành nghề cho năm sau.*

Điều 25. Tính giờ cập nhật kiến thức

1.[14] *Việc cập nhật kiến thức về thẩm định giá được tổ chức thành nhiều lớp trong một năm. Mỗi lớp được tổ chức tập trung một kỳ liên tục và phải đảm bảo đủ thời gian, nội dung và tài liệu theo các quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 24 Thông tư này. Mỗi lớp cập nhật kiến thức không quá 150 học viên.*

2. Thẩm định viên về giá tham dự lớp cập nhật kiến thức về thẩm định giá được tính giờ cập nhật kiến thức theo tỷ lệ 1 giờ học bằng 1 giờ cập nhật kiến thức. Thời lượng được tính giờ cập nhật kiến thức không quá 4 (bốn) giờ/buổi học và không quá 8 (tám) giờ/ngày học. Thẩm định viên về giá phải tham dự đủ thời lượng của một chuyên đề học thì mới được tính số giờ cập nhật kiến thức của chuyên đề đó.

3. Thẩm định viên về giá tham gia giảng dạy các lớp cập nhật kiến thức cho thẩm định viên về giá được tính giờ cập nhật kiến thức theo tỷ lệ 1 giờ giảng bằng 1,5 giờ cập nhật kiến thức. Thời lượng được tính giờ giảng không quá 4 (bốn) giờ/buổi giảng và không quá 8 (tám) giờ/ngày giảng.

4. Thẩm định viên về giá đã tham dự lớp cập nhật hoặc tham gia giảng dạy lớp cập nhật nhưng chưa đủ số giờ cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư này phải tham dự tiếp các lớp cập nhật khác của cùng một đơn vị tổ chức cập nhật để bổ sung đủ số giờ cập nhật theo quy định nhưng tối đa không quá 2 (hai) lớp/năm.

5.[15] ***(được bãi bỏ)***

6.[16] ***(được bãi bỏ)***

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

[16] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

7. Thẩm định viên về giá hành nghề tham dự Hội nghị chính thức Hiệp hội các thẩm định viên về giá ASEAN (AVA) mà trong chương trình Hội nghị có nội dung Hội thảo chuyên đề về thẩm định giá được tính là đã tham dự đủ 20 giờ cập nhật kiến thức.

Điều 26. Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá

1. Thẩm định viên về giá đã tham dự đủ số giờ cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư này được cấp Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá.

2. Thủ trưởng đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức (hoặc cấp phó được Thủ trưởng đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức ủy quyền) ký, cấp Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá.

Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3.[17] *Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá là một trong những điều kiện để thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá đến hết ngày 31/12 năm sau liền kề.*

Trường hợp thẩm định viên về giá hành nghề tham dự Hội nghị chính thức Hiệp hội các thẩm định viên về giá ASEAN (AVA) mà trong chương trình Hội nghị có nội dung Hội thảo chuyên đề về thẩm định giá thì Giấy chứng nhận tham dự Hội nghị là tài liệu thay thế Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá khi đăng ký hành nghề thẩm định giá.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

1. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá. Ra văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho các đơn vị được tổ chức đào tạo theo quy định.

2. Giám sát, kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, xử lý và lưu trữ hồ sơ, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá quy định tại Điều 8, Điều 12 và khoản 5 Điều 25 Thông tư này trong thời hạn tối thiểu là 10 (mười) năm kể từ năm thực hiện.

4. Định kỳ hoặc đột xuất, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tiến hành kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá của các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 28. Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá và các đơn vị có liên quan tổ chức biên soạn Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá sử dụng thống nhất trong cả nước.

2. Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá phải phù hợp với nội dung và chương trình đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư này. Giảng viên phải thường xuyên cập nhật các chính sách, pháp luật và tình hình thực tế đến thời điểm tổ chức khóa học để giảng dạy cho học viên.

3. Bộ Tài chính quản lý thống nhất việc phát hành Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá có thu tiền để đảm bảo bù đắp chi phí biên soạn, in ấn và phát hành.

Điều 29. Xử lý vi phạm hành chính trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá quy định tại Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính từ hình thức cảnh cáo đến đình chỉ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hủy các chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng đã cấp.

2. Thẩm quyền xử phạt, hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm được thực hiện theo

quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP[18] ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và văn bản hướng dẫn.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp[19]

1. Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được cấp theo quy định tại Quyết định số 87/2008/QĐ-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có hiệu lực và được sử dụng để đăng ký dự thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

2. Chậm nhất là 6 (sáu) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định tại Quyết định số 87/2008/QĐ-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phải thực hiện lại việc đăng ký đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá theo quy định tại Thông tư này để được tiếp tục tổ chức đào tạo.

Điều 31. Hiệu lực thi hành[20]

---

[18] Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 07/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật và Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

[19] Điều 3 Thông tư số 11/2019/TT-BTC quy định như sau:

"Đối với các khóa học/lớp học đã tổ chức trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn tiếp diễn thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 204/2014/TT-BTC cho đến khi hoàn thành khóa học/lớp học".

[20] Điều 4 Thông tư số 11/2019/TT-BTC quy định như sau:

"1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

2. Cục trưởng Cục Quản lý giá, Chánh Văn phòng Bộ, người đứng đầu Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) để xem xét, giải quyết./."

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 và thay thế Quyết định số 87/2008/QĐ-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 33/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Phụ lục số 1/ĐTBD:[21]

Danh sách giảng viên

(Kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo,bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá)

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN

(Khóa/Lớp:.....)

Thời gian khóa học/lớp học từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm...

(Kèm theo Quyết định mở khóa/ lớp số..... ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Chuyên đề	Số giờ	Họ tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Đơn vị công tác	Thời gian công tác thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8

* Ghi chú: Giữa các trang của Danh sách phải có dấu giáp lai của đơn vị

....., ngày..... tháng.... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

[21] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 11/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2019.

Phụ lục số 2/ĐTBD: Phiếu đánh giá chất lượng khóa học *(kèm theo Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

TÊN ĐƠN VỊ
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG KHÓA HỌC

(Dành cho học viên tham dự đào tạo, bồi dưỡng)

1. Tên khóa học: *(Khóa đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá/Lớp cập nhật kiến thức về thẩm định giá)*

2. Khóa/lớp số:..... từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm.....

3. Tên chuyên đề(1): .....

4. Số giờ học:.....

5. Giảng viên(2): .....

6. Địa điểm tổ chức: .....

7. Đánh giá về chất lượng khóa/lớp học:

TT	Nội dung	Đánh giá		
		Tốt	Khá	TB
1	Thực hiện các quy định của Bộ Tài chính về *(đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá/cập nhật kiến thức về thẩm định giá)*			
2	Chuyên đề học đã đạt được mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng			
3	Học viên đã được đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức và kỹ năng cần thiết về thẩm định giá			
4	Nội dung chuyên đề phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của học viên tham dự			

5	Giảng viên giảng dễ hiểu, nhiệt tình, trách nhiệm cao; giải đáp tốt các câu hỏi của học viên			
6	Giảng viên thực hiện đúng theo kế hoạch giảng dạy về nội dung và thời gian			

5. Ý kiến khác:.....

..., ngày... tháng... năm..

Ghi chú: (1) Nếu khóa/lớp học có nhiều chuyên đề thì đánh giá cho từng chuyên đề.

(2) Nếu khóa/lớp học có nhiều giảng viên thì đánh giá cho từng giảng viên.

Phụ lục số 3/ĐTBD: Danh sách học viên đạt yêu cầu khóa học/lớp học và được cấp Chứng chỉ, Giấy chứng nhận *(kèm theo Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

A. Đối với đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT YÊU CẦU KHÓA HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ/ CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ (Khóa:....)

Thời gian khóa học từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm...
(Kèm theo Quyết định công nhận
kết quả đạt yêu cầu khóa học số... ngày... tháng... năm....)

TT	Họ tên	Năm sinh		Quê quán	Chức vụ, đơn vị công tác
		Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6

* Ghi chú: Giữa các trang của Danh sách phải có dấu giáp lai của đơn vị.

....., ngày... tháng... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

B. Đối với cập nhật kiến thức về thẩm định giá

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT YÊU CẦU LỚP HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CẬP NHẬT KIẾN THỨC VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ (Lớp:.....)

Thời gian lớp học từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm...
(Kèm theo Quyết định công nhận
kết quả đạt yêu cầu lớp học số... ngày... tháng... năm....)

TT	Họ tên	Năm sinh		Quê quán	Số Thẻ thẩm định viên về giá	Chức vụ, đơn vị công tác
		Nam	Nữ			
1	2	3	4	5	6	7

* Ghi chú: Giữa các trang của Danh sách phải có dấu giáp lai của đơn vị.

....., ngày... tháng... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 4/ĐTBD: Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng *(kèm theo Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

A. Đối với đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM…..[1], PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM……[2]

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

(Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng) báo cáo tình hình tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá năm…. như sau:

1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo, bồi dưỡng

1.1. Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng *(bao gồm tên tiếng Anh, tiếng Việt và tên viết tắt)*.

1.2. Quyết định thành lập đơn vị đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Văn bản của Bộ Tài chính v/v chấp thuận cho đơn vị được tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá.[3]

1.4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, gồm: họ tên, năm sinh, giới tính, quê quán, số CMND/Hộ chiếu và ngày cấp.

1.5. Địa chỉ cơ sở chính đơn vị đào tạo, bồi dưỡng; điện thoại; fax; website.

---

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo, ví dụ năm 2015.

[2] Năm liền kề của kỳ báo cáo, ví dụ năm 2016.

[3] Chỉ áp dụng cho đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá.

2. Tình hình tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

2.1. Năm bắt đầu mở khóa đào tạo, bồi dưỡng (thường xuyên/không thường xuyên, lý do).

2.2. Số khóa đào tạo, bồi dưỡng mở trong kỳ báo cáo; số học viên được chiêu sinh trung bình mỗi khóa.

2.3. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập và cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá *(kèm theo các Quyết định liên quan đến việc cấp các Chứng chỉ do đơn vị ban hành trong năm báo cáo)*.

2.4. Giảng viên khóa đào tạo, bồi dưỡng

- Số giảng viên tham gia giảng dạy;

- Học hàm, học vị giảng viên.

2.5. Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

2.6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng thẩm định giá.

2.7. Các nội dung liên quan khác (nếu có).

3. Thống kê chi tiết tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong kỳ báo cáo

TT	Khóa học	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số học viên tham dự	Số học viên được cấp Chứng chỉ
1	Khóa I				
2	Khóa II				
…	…				
Tổng số	(Khóa)			(Học viên)	(Học viên)

4. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị: .....

5. Phương hướng hoạt động năm tiếp theo: .....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

B. Đối với cập nhật kiến thức về thẩm định giá

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM.....[1], PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM.....[2]

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

(Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng) báo cáo tình hình tổ chức lớp cập nhật kiến thức về thẩm định năm... như sau:

1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo, bồi dưỡng

1.1. Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng *(bao gồm tên tiếng Anh, tiếng Việt và tên viết tắt)*.

1.2. Quyết định thành lập đơn vị đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, gồm: họ tên, năm sinh, quê quán, số CMND/Hộ chiếu và ngày cấp.

1.4. Địa chỉ cơ sở chính đơn vị đào tạo, bồi dưỡng; điện thoại; fax; website.

2. Tình hình tổ chức lớp cập nhật kiến thức về thẩm định giá

2.1. Năm bắt đầu mở lớp cập nhật (thường xuyên/không thường xuyên, lý do).

2.2. Số lớp cập nhật mở trong kỳ báo cáo; số học viên được chiêu sinh trung bình mỗi khóa.

2.3. Cấp Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá *(kèm theo các Quyết định liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận do đơn vị ban hành trong năm báo cáo)*.

---

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo, ví dụ năm 2015.

[2] Năm liền kề của kỳ báo cáo, ví dụ năm 2016.

2.4. Giảng viên lớp cập nhật:

- Số giảng viên tham gia giảng dạy;

- Học hàm, học vị của giảng viên.

2.5. Chương trình, nội dung, tài liệu cập nhật.

2.6. Các nội dung liên quan khác (nếu có).

3. Thống kê chi tiết tình hình tổ chức lớp cập nhật kiến thức về thẩm định giá trong kỳ báo cáo

TT	Lớp học	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số học viên là thẩm định viên	Số học viên là các đối tượng khác	Số thẩm định viên được cấp Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức
1	Lớp I					
2	Lớp II					
…	…					
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)	(Học viên)	(Thẩm định viên)

4. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị:.....

5. Phương hướng hoạt động năm tiếp theo:.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 5/ĐTBD: Đơn đăng ký đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá *(kèm theo Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Sau khi xem xét các quy định về tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tại Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính, *(đơn vị đào tạo, bồi dưỡng)* đăng ký tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá như sau:

1. Thông tin về đơn vị đào tạo, bồi dưỡng

Tên đơn vị viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên đơn vị viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên đơn vị viết tắt:.....

Quyết định thành lập đơn vị đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: .....

Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng: họ tên, năm sinh, quê quán, số CMND/Hộ chiếu và ngày cấp .....

Địa chỉ cơ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Website:..... Email: .....

2. Chương trình đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

Số khóa đào tạo dự kiến mở trung bình một năm.....

Số học viên được chiêu sinh trung bình mỗi khóa .....

Thời lượng tổ chức đào tạo.....

Địa điểm tổ chức.....

Nội dung chương trình đào tạo .....

Khóa đào tạo đầu tiên (dự kiến tổ chức).....

3. Các tài liệu gửi kèm theo (theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 204/2014/TT-BTC)

4. *(Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng)* cam kết:

a) Có đủ cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm phòng học, bàn ghế, bảng viết, giáo cụ và các trang thiết bị cần thiết khác.

b) Bố trí giảng viên tham gia giảng dạy các khóa đào tạo đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo và các quy định của Bộ Tài chính về tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá./.

...., ngày... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 6/ĐTBD: Mẫu Chứng chỉ, Giấy chứng nhận *(kèm theo Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

A. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

Đơn vị:.....
(Tên đơn vị tổ chức khóa học ĐTTĐG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6cm
(đóng dấu giáp lai)

CHỨNG CHỈ
ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Chứng nhận: Ông (Bà):.....
Ngày sinh:..... Quê quán.....
Số CMTND/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....
Đơn vị công tác:.....
Đã hoàn thành Khóa đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá
Từ ngày..... đến ngày .....
Tại .....

....., ngày.... tháng... năm...

QĐ công nhận kết quả khóa học số....
ngày..../..../...
Số chứng chỉ:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

B. Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá

Đơn vị:.....
(Tên đơn vị tổ chức khóa học BDTĐG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6cm
(đóng dấu giáp lai)

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

Chứng nhận: Ông (Bà):.....
Ngày sinh:..... Quê quán.....
Đơn vị công tác:.....
Đã hoàn thành Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá
Từ ngày..... đến ngày.....
Tại.....

....., ngày…. tháng… năm…

QĐ công nhận kết quả khóa học số....
ngày..../..../...
Số chứng chỉ:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

C. Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá

Đơn vị:.....
(Tên đơn vị tổ chức lớp học CNKTTĐG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CẬP NHẬT KIẾN THỨC VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ
NĂM.....

Chứng nhận: Ông (Bà):.....
Ngày sinh:..... Quê quán.....
Đơn vị công tác:.....
Số thẻ thẩm định viên về giá:..... ngày cấp:.....
Đã hoàn thành Lớp cập nhật kiến thức về thẩm định giá
Từ ngày..... đến ngày.....
Tại:.....

....., ngày.... tháng... năm...

QĐ công nhận kết quả lớp học số....
ngày..../..../...
Số giấy chứng nhận:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng